

Số: /TB-HVNH
(V/v tuyển sinh SDH đợt 2 năm 2023)

Hà Nội, ngày tháng 05 năm 2023

THÔNG BÁO
Tuyển sinh sau đại học đợt 2 năm 2023

Căn cứ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Giám đốc Học viện Ngân hàng về đào tạo trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ, Học viện Ngân hàng thông báo tuyển sinh đào tạo sau đại học đợt 2 năm 2023 như sau:

I. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh:

- 1.1. Ngành Tài chính - Ngân hàng (Mã số: 8340201) – Chỉ tiêu: 250.
- 1.2. Ngành Kế toán (Mã số: 8340301) – Chỉ tiêu: 30.
- 1.3. Ngành Quản trị kinh doanh (Mã số: 8340101) – Chỉ tiêu: 40.

Trong đó, chỉ tiêu dành cho xét tuyển chiếm tối đa 50%, chỉ tiêu dành cho thi tuyển chiếm tối thiểu 50%.

2. Hình thức và thời gian đào tạo:

2.1. Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng.

2.2. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ theo hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm (18 tháng); theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 02 năm (24 tháng).

3. Phương thức và thời gian tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển và xét tuyển;
- Thời gian tuyển sinh: Dự kiến vào các ngày 22,23,24/09/2023 tại Học viện Ngân hàng – Số 12 Chùa Bộc - Đống Đa - Hà Nội.

4. Điều kiện dự tuyển:

4.1. Yêu cầu chung:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Đã học bổ sung kiến thức (nếu có) theo quy định của Học viện Ngân hàng;

c) Lý lịch bản thân rõ ràng và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

d) Có đủ sức khỏe để học tập;

đ) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo;

e) Người dự tuyển nếu có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận chất lượng văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp quy định tại Phụ lục số 10.

4.2. Yêu cầu cụ thể:

4.2.1. Đối với xét tuyển:

- Người đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học, xếp loại Khá trở lên, ngành đúng với ngành đăng ký dự tuyển;

- Đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

+) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành Ngôn ngữ Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng tiếng Anh;

+) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Ngân hàng cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục số 01 hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

4.2.2. Đối với thi tuyển:

- Những ứng viên không đủ điều kiện xét tuyển hoặc không đạt khi xét tuyển được đăng ký thi tuyển. Các môn thi tuyển sinh bao gồm:

+ Môn ngoại ngữ: Ngôn ngữ Anh;

+ Môn cơ sở ngành: Kinh tế học;

+ Môn chuyên ngành: Môn kiến thức chung của ngành, chuyên ngành đào tạo.

- Thí sinh được miễn thi môn Ngoại ngữ nếu đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ quy định tại mục 4.2.1 ở trên.

5. Nội dung xét tuyển và thi tuyển:

5.1. Tiêu chí xét tuyển: Thí sinh xem tại Phụ lục số 11.

5.2. Các môn thi tuyển cho mỗi chuyên ngành như sau:

Môn thi Ngành	Môn 1	Môn 2	Môn 3
Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế học	Môn kiến thức chung về Tài chính - Ngân hàng	Anh văn
Kế toán	Kinh tế học	Môn kiến thức chung về Kế toán	Anh văn
Quản trị kinh doanh	Kinh tế học	Môn kiến thức chung về Quản trị kinh doanh	Anh văn

Thí sinh xem Nội dung môn thi tại Phụ lục số 02.

6. Đối tượng ưu tiên và mức ưu tiên:

6.1. Đối tượng:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

6.2. Mức ưu tiên:

a) Đối với ứng viên xét tuyển: Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 6.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả xét tuyển 1 (một) điểm;

b) Đối với ứng viên thi tuyển: Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 6.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 (mười) điểm cho môn Ngôn ngữ Anh (thang điểm 100) và cộng 1 (một) điểm (thang điểm 10) môn cơ sở ngành.

Danh mục đối tượng ưu tiên và minh chứng theo Phụ lục số 03.

7. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh, khai giảng khóa học:

- Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Dự kiến trước ngày 15/10/2023;

- Thời gian nhập học: Dự kiến trước ngày 15/11/2023.

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh:

- Ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng (*Mã số: 9340201*);
- Chỉ tiêu: 20.

2. Hình thức và thời gian đào tạo:

- Hình thức đào tạo: Giáo dục chính quy;
- Thời gian đào tạo: 4 năm.

3. Phương thức, thời gian tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển;
- Thời gian tuyển sinh: Dự kiến vào các ngày 22,23,24/09/2023 tại Học viện Ngân hàng – Số 12 Chùa Bộc - Đống Đa - Hà Nội.

4. Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có các điều kiện sau đây:

4.1. Về văn bằng và chuyên ngành đăng ký dự tuyển:

a) Đối với người có bằng thạc sĩ: Người dự tuyển phải có bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển;

- Ngành tốt nghiệp trình độ thạc sĩ được xác định là ngành đúng của ngành đào tạo trình độ tiến sĩ khi có cùng tên gọi của ngành này với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV;

- Ngành tốt nghiệp trình độ thạc sĩ được xác định là ngành phù hợp của ngành đào tạo trình độ tiến sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV (trừ trường hợp đúng ngành đã được quy định ở trên).

b) Đối với người chưa có bằng thạc sĩ: Người dự tuyển phải có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên; ngành tốt nghiệp đại học là ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.

- Ngành tốt nghiệp trình độ đại học được xác định là ngành đúng của ngành đào tạo trình độ tiến sĩ khi có cùng tên gọi của ngành này với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV;

- Ngành tốt nghiệp trình độ đại học được xác định là ngành phù hợp của ngành đào tạo trình độ tiến sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV (trừ trường hợp đúng ngành đã được quy định ở trên).

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ được quy định tại Phụ lục số 06.

4.2. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

4.3. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

4.4. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục số 08 còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục số 08) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4.5. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển (ít nhất 06 tháng) và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

4.6. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành, hoặc trường nơi người đăng ký dự tuyển vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và không có tiền án, tiền sự.

4.7. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và đáp ứng yêu cầu về tiếng Anh quy định tại điểm d mục 4.4.

4.8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo.

4.9. Có đủ sức khỏe để học tập.

4.10. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện Ngân hàng.

5. Hồ sơ dự tuyển:

5.1. Đơn xin dự tuyển;

5.2. Lý lịch khoa học (theo Mẫu tại Phụ lục số 07);

5.3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp);

5.4. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (nếu có);

5.5. Đề cương nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; đề xuất người hướng dẫn (yêu cầu đối với đề cương nghiên cứu tại Phụ lục số 04);

5.6. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển (ít nhất 06 tháng) và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

a. Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;

b. Năng lực hoạt động chuyên môn;

c. Phương pháp làm việc;

d. Khả năng nghiên cứu;

đ. Khả năng làm việc theo nhóm;

e. Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;

g. Triển vọng phát triển về chuyên môn;

h. Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

5.7. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành, hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật;

5.8. Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính (theo mẫu tại Phụ lục số 09).

6. Cách thức xét tuyển:

Đánh giá thí sinh dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ theo thang điểm 100, bao gồm đánh giá hồ sơ dự tuyển (60 điểm) và phỏng vấn (40 điểm).

7. Danh mục lĩnh vực nghiên cứu, danh sách người hướng dẫn khoa học và ngành, chuyên ngành được dự tuyển theo Phụ lục số 05 và Phụ lục số 06. Thời gian

công bố kết quả tuyển sinh và khai giảng như tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

III. CÁC THÔNG TIN KHÁC:

1. Nộp hồ sơ dự thi:

- Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ: Thí sinh nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến. Đường link nộp hồ sơ và hướng dẫn nộp hồ sơ online sẽ được công bố trên website của Học viện Ngân hàng.

- Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ: Thí sinh mua hồ sơ và nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng 306 – Nhà A1 – Học viện Ngân hàng, số 12 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội.

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ 12/06/2023 đến hết ngày 08/09/2023.

2. Tổ chức ôn thi:

- Đơn vị tổ chức: Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng - Học viện Ngân hàng;

- Địa chỉ liên hệ: Phòng 103 - Nhà B2 - Học viện Ngân hàng; Điện thoại: (024) 35726385 hoặc (024) 35725645.

3. Lệ phí đăng ký dự thi:

Lệ phí đăng ký dự thi, lệ phí thi, lệ phí ôn tập và kinh phí đào tạo theo qui định của Học viện Ngân hàng.

4. Thí sinh cần hỏi thêm thông tin xin liên hệ:

Khoa Sau đại học - Phòng 307 - Nhà A1 - Học viện Ngân hàng, số 12 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội. Điện thoại: (024) 3852 9698 – Email: khoasdh@hvn.edu.vn.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- NHNN Việt Nam (để báo cáo);
- Các tổ chức tài chính, tín dụng;
- Lưu: VT, Khoa SDH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Thị Kim Hảo

PHỤ LỤC SỐ 01**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG
CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179

PHỤ LỤC 02

Nội dung môn thi tuyển sinh

(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số /TB-HVNH ngày /05/2023
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

MÔN 1: MÔN KINH TẾ HỌC

PHẦN 1: KINH TẾ VI MÔ

I. Tổng quan về Kinh tế học

1. Kinh tế học và nền kinh tế
2. Chi phí cơ hội
3. Khan hiếm và sự lựa chọn

II. Lý thuyết cung - cầu

1. Cầu và đường cầu
2. Cung và đường cung
3. Cân bằng cung cầu
4. Sự can thiệp của chính phủ
5. Sự thay đổi của trạng thái cân bằng.

III. Co giãn của cầu theo giá

1. Khái niệm: co giãn của cầu theo giá
2. Công thức tính (theo đoạn và điểm)
3. Phân loại co giãn của cầu theo giá
4. Những yếu tố ảnh hưởng đến co giãn của cầu theo giá
5. Quan hệ giữa tổng doanh thu, giá và co giãn của cầu theo giá

IV. Lý thuyết hành vi người tiêu dùng

1. Lý thuyết lợi ích
2. Lý thuyết bàng quan ngân sách

V. Lý thuyết về hành vi người sản xuất

1. Lý thuyết sản xuất
2. Lý thuyết chi phí
3. Lợi nhuận

VI. Cấu trúc thị trường

1. Cạnh tranh hoàn hảo
2. Độc quyền

PHẦN II: KINH TẾ VĨ MÔ

I. Đo lường sản lượng và mức giá

1. Phương pháp tính GDP
2. GDP danh nghĩa, GDP thực tế, chỉ số điều chỉnh GDP và tốc độ tăng trưởng kinh tế

II. Mô hình tổng cung - tổng cầu

1. Tổng cầu của nền kinh tế
2. Tổng cung của nền kinh tế
3. Sản lượng và mức giá cân bằng

III. Tổng cầu và chính sách tài khóa

1. Các nhân tố quyết định tổng chi tiêu
2. Tổng cầu với mức giá không đổi và cách xác định sản lượng cân bằng trong nền kinh tế đóng và mở
3. Chính sách tài khóa (mở rộng và thắt chặt)
4. Thâm hụt ngân sách chính phủ
5. Các biện pháp tài trợ thâm hụt ngân sách

IV. Tiền tệ và chính sách tiền tệ

1. Khái niệm và các chức năng của tiền
2. Cung tiền
3. Mức cầu tiền
4. Thị trường tiền tệ và xác định lãi suất cân bằng
5. Chính sách tiền tệ và các công cụ của chính sách tiền tệ

V. Kinh tế vĩ mô về nền kinh tế mở

1. Cán cân thanh toán
2. Thị trường ngoại hối và chế độ tỷ giá hối đoái
3. Chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở

MÔN 2: MÔN KIẾN THỨC CHUNG

A. MÔN KIẾN THỨC CHUNG VỀ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Thị trường Tài chính

1.1. Tổng quan về thị trường tài chính

- 1.1.1 Khái niệm và đặc điểm thị trường tài chính
- 1.1.2 Phân loại thị trường tài chính
- 1.1.3 Hàng hóa của thị trường tài chính
- 1.1.4 Chủ thể tham gia thị trường tài chính
- 1.1.5 Vai trò của thị trường tài chính

1.2. Phát hành, giao dịch các công cụ tài chính

- 1.2.1. Phát hành các công cụ tài chính
- 1.2.2. Giao dịch các công cụ tài chính

1.3. Quản lý và giám sát thị trường tài chính

2. Ngân hàng thương mại

2.1. Tổng quan về ngân hàng thương mại

2.1.1. Khái niệm NHTM và các hoạt động của NHTM

2.1.1.1. Khái niệm, đặc trưng và vai trò của NHTM

2.1.1.2. Các loại hình NHTM

2.1.1.3. Các hoạt động kinh doanh chính của NHTM

2.1.2. Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh của một NHTM

2.1.2.1. Các báo cáo tài chính của NHTM

2.1.2.2. Phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh của NHTM theo mô hình CAMELS

2.2. Quản lý Nợ và vốn chủ sở hữu của ngân hàng thương mại

2.2.1. Quản lý Nợ của Ngân hàng thương mại.

2.2.1.1. Quản lý danh mục tiền gửi

- Các sản phẩm tiền gửi ngân hàng cung cấp

- Quản trị quy mô tiền gửi

- Quản trị chi phí tiền gửi

2.2.1.2. Quản lý nguồn vốn phi tiền gửi của ngân hàng

- Các nguồn vốn phi tiền gửi của ngân hàng

- Tính toán nhu cầu vốn phi tiền gửi

- Lựa chọn nguồn vốn phi tiền gửi của ngân hàng

2.2.2. Quản lý vốn chủ sở hữu của ngân hàng

2.2.2.1. Khái niệm, thành phần và vai trò của vốn chủ sở hữu

2.2.2.2 Các quy định liên quan đến vốn chủ sở hữu

2.2.2.3. Kế hoạch đáp ứng nhu cầu vốn chủ sở hữu của ngân hàng

- Biện pháp tăng vốn từ nguồn nội bộ

- Biện pháp tăng vốn từ nguồn bên ngoài

2.3. Quản lý tín dụng của Ngân hàng

2.3.1. Chính sách tín dụng

2.3.2. Quy trình tín dụng

2.3.2.1. Khái niệm và ý nghĩa thiết lập quy trình tín dụng

2.3.2.2. Mô hình tổ chức tín dụng

2.3.2.3. Các giai đoạn quy trình tín dụng

B. MÔN KIẾN THỨC CHUNG VỀ KẾ TOÁN

1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN

1.1. Kế toán và vai trò của kế toán

1.2. Kế toán tài chính và kế toán quản trị

1.3. Các yêu cầu đối với thông tin kế toán

1.4. Môi trường kế toán

- 1.5. Phương trình kế toán và các Báo cáo tài chính cơ bản
- 1.6. Ghi nhận các giao dịch kinh tế
- 1.7. Kế toán dồn tích và bút toán điều chỉnh
- 1.8. Chu trình kế toán và các bước trong chu trình kế toán

2. KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG MUA – BÁN HÀNG

- 2.1. Khái quát về hoạt động mua bán hàng
- 2.2. Các phương pháp kế toán HTK
- 2.3. Kế toán mua hàng.
- 2.4. Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

3. KẾ TOÁN TÀI SẢN TRONG DOANH NGHIỆP

- 3.1. Kế toán tài sản ngắn hạn
 - 3.1.1. Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu
 - 3.1.2. Kế toán hàng tồn kho
 - 3.1.3. Kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn
- 3.2. Kế toán tài sản dài hạn
 - 3.2.1. Kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư
 - 3.2.2. Kế toán các khoản đầu tư dài hạn
 - 3.2.3. Kế toán thuê tài sản

4. KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

- 4.1. Kế toán nợ phải trả
 - 4.1.1. Kế toán nợ phải trả ngắn và dài hạn
 - 4.1.2. Kế toán trái phiếu phát hành
 - 4.1.3. Kế toán dự phòng phải trả
- 4.2. Kế toán vốn chủ sở hữu

5. KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

- 5.1. Khái quát về hoạt động sản xuất và tổ chức hệ thống kế toán chi phí và giá thành
- 5.2. Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành

6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- 6.1. Tổng quan về BCTC trong DN
- 6.2. Lập và trình bày BCTC
 - 6.2.1. Bảng cân đối kế toán
 - 6.2.2. Báo cáo kết quả kinh doanh
 - 6.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - 6.2.4. Thuyết minh báo cáo tài chính

C. MÔN KIẾN THỨC CHUNG VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1.1. Doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường

1.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp

1.1.2. Chức năng và vai trò của doanh nghiệp

1.1.3. Phân loại doanh nghiệp

1.2. Quản trị doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm về quản trị doanh nghiệp

1.2.2. Cách tiếp cận về quản trị doanh nghiệp

1.2.3. Bản chất của quản trị doanh nghiệp

1.2.4. Các chức năng quản trị doanh nghiệp

1.3. Các trường phái Quản trị doanh nghiệp

1.3.1. Trường phái lý thuyết cổ điển

1.3.2. Trường phái tâm lý xã hội

1.3.3. Trường phái lý thuyết hệ thống

1.3.4. Trường phái quản trị Nhật Bản

2. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP

2.1. Tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

2.1.1. Khái niệm cơ chế quản trị doanh nghiệp

2.1.2. nội dung cơ chế quản trị doanh nghiệp

2.1.3. cơ chế quản trị doanh nghiệp theo OECD

2.2. Chế độ một thủ trưởng trong doanh nghiệp

2.2.1. Thực chất chế độ một thủ trưởng

2.2.2. Tính tất yếu của chế độ một thủ trưởng

2.2.3. Các chức danh thủ trưởng

2.2.4. Quan hệ giữa các chức danh

2.3. Tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

2.3.1. Khái niệm và vai trò của tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

2.3.2. Yêu cầu của tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

2.3.3. Tổ chức các phòng chức năng

2.3.4. Phân công trong bộ máy quản trị

2.4. Các mô hình tổ chức bộ máy trong doanh nghiệp

2.4.1. Mô hình tổ chức theo sản phẩm

2.4.2. Mô hình tổ chức theo địa bàn kinh doanh

2.4.3. Mô hình tổ chức theo đối tượng khách hàng

2.4.4. Mô hình tổ chức theo đơn vị kinh doanh chiến lược

2.4.5. Mô hình tổ chức theo chức năng

3. HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

3.1. Hoạch định hệ thống mục tiêu của doanh nghiệp

3.1.1. Khái niệm và vai trò của mục tiêu

3.1.2. Phân loại các mục tiêu của doanh nghiệp

- 3.1.3. Phân loại hệ thống mục tiêu
- 3.1.4. Yêu cầu khi hoạch định hệ thống mục tiêu
- 3.1.5. Các phương pháp hoạch định mục tiêu
- 3.2. Khái niệm và vai trò của chiến lược kinh doanh
 - 3.2.1. Khái niệm
 - 3.2.2. Vai trò của chiến lược kinh doanh
- 3.3. Các chiến lược kinh doanh phổ biến
 - 3.3.1. Chiến lược kinh doanh cơ bản
 - 3.3.2. Các chiến lược cạnh tranh cơ bản
- 3.4. Quy trình hoạch định chiến lược kinh doanh
 - 3.4.1. Xác định chức năng nhiệm vụ
 - 3.4.2. Phân tích môi trường kinh doanh
 - 3.4.3. Hình thành và lựa chọn chiến lược

4. QUẢN TRỊ NHÂN SỰ TRONG DOANH NGHIỆP

- 4.1. Tổng quan về quản trị nhân sự
 - 4.1.1. Khái niệm về quản trị nhân sự
 - 4.1.2. Các quan điểm về quản trị nhân sự
 - 4.1.3. Các nguyên tắc trong quản trị nhân sự
 - 4.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị nhân sự
- 4.2. Nội dung của quản trị nhân sự
 - 4.2.1. Hoạch định nhu cầu nhân sự
 - 4.2.2. Tuyển dụng nhân sự
 - 4.2.3. Bố trí công việc và sử dụng lao động
 - 4.2.4. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
 - 4.2.5. Đánh giá thực hiện công việc và thù lao

5. QUẢN TRỊ MARKETING

- 5.1. Khái niệm và vai trò của quản trị marketing
 - 5.1.1. Khái niệm quản trị marketing
 - 5.1.2. Vai trò và nhiệm vụ của quản trị marketing
- 5.2 Các quan điểm quản trị marketing
 - 5.2.1. Quan điểm trọng sản xuất
 - 5.2.2. Quan điểm trọng sản phẩm
 - 5.2.3. Quan điểm trọng bán
 - 5.2.4. Quan điểm marketing
 - 5.2.5. Quan điểm marketing xã hội
- 5.3. Tiến trình quản trị marketing
 - 5.3.1. Phân tích các cơ hội thị trường
 - 5.3.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường
 - 5.3.3. Hoạch định chiến lược marketing

5.3.4. Tổ chức thực hiện chương trình marketing hỗn hợp

5.3.5. Kiểm tra các hoạt động marketing

MÔN 3: MÔN ANH VĂN

Về tổng thể:

Học viên tham gia thi đầu vào tiếng Anh chương trình cao học tại Học viện Ngân hàng phải đạt được trình độ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam .

Theo chuẩn CEF (Khung đánh giá năng lực ngoại ngữ theo tiêu chuẩn chung Châu Âu), một học viên đạt cấp độ 3/6) nhìn chung có những năng lực sau:

- Có thể hiểu được những câu và những cách diễn đạt được sử dụng thường xuyên gắn liền tới những lĩnh vực liên quan trực tiếp (Ví dụ như những thông tin cơ bản về cá nhân và gia đình, mua sắm, thông tin về địa lý của địa phương, việc làm)
- Có thể thực hiện được các giao tiếp đơn giản, thường nhật yêu cầu sự trao đổi thông tin đơn giản, trực tiếp về những vấn đề quen thuộc, thường nhật.
- Có thể miêu tả được những thông tin về bản thân, những vấn đề về môi trường và những nhu cầu trực tiếp.

Phân đọc

Khả năng đọc hiểu nói chung

- Có thể hiểu được các bài khoá ngắn đơn giản có tính truyền tải thông tin về những đề tài quen thuộc có kiến thức ngôn ngữ dùng hàng ngày hoặc liên quan đến chuyên môn của bản thân.
- Có thể hiểu được các bài khoá ngắn đơn giản chứa đựng lượng từ vựng được sử dụng nhiều nhất bao gồm cả phần từ vựng cũng thường được dùng trong nhiều ngôn ngữ khác.

Đọc thư tín

- Có thể hiểu được các dạng thư tín và các văn bản fax, yêu cầu thông tin, yêu cầu, thư xác thực, vv. về những chủ đề quen thuộc.
- Có thể hiểu được những bức thư cá nhân đơn giản.

Đọc nhằm lấy định hướng

- Có thể đọc tìm tra xác định các thông tin cần tìm, và các thông tin có thể đoán biết được trong những tài liệu thường nhật ví dụ như quảng cáo, tờ rao hàng, thực đơn danh mục tham khảo, và thời gian biểu
- Có thể định vị thông tin từ danh sách và tách các thông tin cần (Ví dụ: sử dụng “trang vàng” để tìm thông tin về dịch vụ hay cửa hàng...)
- Có thể hiểu được các biển báo và các thông báo hàng ngày xuất hiện ở những nơi công cộng như trên đường phố, nhà hàng, nhà ga và những hướng dẫn, chỉ dẫn, cảnh báo thảm họa ở nơi làm việc.

Đọc lấy thông tin và nghiên cứu lập luận

- Có thể xác định được các thông tin cụ thể trong các tài liệu đơn giản như thư từ, thông tin quảng cáo, những bài báo ngắn viết về các sự kiện.

Đọc hướng dẫn

- Có thể hiểu được các quy định được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản ví dụ như quy định về an toàn

- Có thể hiểu được những chỉ dẫn đơn giản trên các thiết bị sử dụng hàng ngày ví dụ như điện thoại công cộng

Phân viết

Kỹ năng viết nói chung

- Có thể truyền đạt có hiệu quả các thông tin quen thuộc trong một bố cục chuẩn quen thuộc.

- Có thể viết các bức thư và bài viết dài một, hai đoạn.

- Có thể viết lại các thông tin đơn giản, nghe được hoặc nhìn thấy; có thể ghi chép khi nghe các bài trình bày ngắn hoặc từ các tài liệu tham khảo.

- Thể hiện khả năng kiểm soát viết ở mức độ đơn giản.

DẠNG THỨC ĐỀ THI MÔN TIẾNG ANH PHỤC VỤ KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

1. Tổng quan

Đề thi môn Tiếng Anh kỳ thi tuyển sinh sau đại học (bậc thạc sĩ) đánh giá trình độ tiếng Anh tổng quát của thí sinh bao gồm cấu trúc ngữ pháp -Đọc hiểu- Viết .

Tổng số điểm là 100.

Cấu trúc đề thi như sau:

Cấu trúc	Nội dung	Số lượng câu hỏi
Section A: Đọc hiểu (50 điểm)	Phần 1: 1 bài đọc kiểm tra ngữ pháp và từ vựng dạng điền khuyết mỗi câu có một từ bỏ trống, chọn 1 từ đúng trong 4 từ cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD) để điền vào chỗ trống. Các chỗ trống này cho phép kiểm tra kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa và kiến thức văn hóa, xã hội. Phần này nhằm đánh giá mức độ nắm vững kiến thức tiếng Anh bao gồm ngữ pháp, cấu trúc và từ vựng.	20

	<p>- Phần 2: Đọc 1 hoặc 2 bài khoảng 200 từ, chọn các câu trả lời Đúng hoặc Sai hoặc lựa chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. Bài đọc có thể lấy từ báo, tạp chí dễ hiểu, dạng phổ biến kiến thức, thường thấy trong đời sống hàng ngày.</p> <p>Những câu hỏi đặt ra nhằm giúp thí sinh thể hiện khả năng hiểu ý chính nêu trong văn bản, nắm được thông tin chi tiết, hiểu được quan hệ giữa các ý trong đoạn văn và văn bản, và hiểu được thái độ mục đích của tác giả / văn bản.</p>	5-10 câu
	<p>- Phần 3: Làm bài đọc điền từ (Cloze test), trong đó có 10 từ bỏ trống. Chọn trong số các từ cho sẵn các từ phù hợp để điền vào chỗ trống.</p> <p>Thí sinh cần vận dụng kiến thức ngữ pháp, cấu trúc, từ vựng để tìm ra được từ thích hợp cho những khoảng trống liên quan.</p>	10 câu
Section B:Viết (50 điểm)	<p>Phần 1: Viết lại các câu đó với những cách diễn đạt khác đã được gợi ý bằng 1-2 từ sao cho ý nghĩa các câu đó không thay đổi.</p>	5- 10 câu
	<p>Phần 2: Xây dựng câu từ các từ cho trước</p>	10
	<p><i>Phần 3: Viết một bài viết ngắn khoảng 100-150 từ. Đây là dạng bài viết có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày, thường là viết dựa trên một tài liệu gợi ý cho sẵn. Một số dạng bài có thể có như viết một bức thư hay 1 email cho bạn .</i></p> <p>Dạng bài tập này kiểm tra cách trình bày một bài viết, từ vựng, ngữ pháp cách kết nối câu và đoạn văn.</p>	

3. Các thể loại câu hỏi

Ngữ pháp :

1. Subject-verb agreement
2. Tenses
3. Articles
4. Possessives
5. Pronouns
6. Adjectives & Adverbs
7. Prepositions
8. Verbs and complements (verbs followed by infinitives, gerunds, prepositions, etc)

9. Quantifiers
10. Modal auxiliaries (advice, obligation, certainty, etc)
11. Conditional sentences
12. Passive voice
13. Relative clauses
14. Reported speech
15. Comparisons (similarities, comparatives, superlatives)

Đọc hiểu

1. Main idea question
2. Detail question
3. Referent question
4. Purpose question
5. Inference question
6. Paraphrase question
7. Information transfer question

4. Các chủ đề

1. Hobbies and interests
2. People
3. Places
4. Relationships
5. Food and drink
6. Entertainment
7. Jobs
8. Hometown
9. Health
10. Sports
11. Work and study
12. City and country

PHỤ LỤC 03

Danh mục đối tượng ưu tiên và minh chứng
(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số /TB-HVNH ngày /05/2023
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

TT	Đối tượng ưu tiên	Minh chứng
1	Người có thời gian công tác 2 năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực I trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành	- Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; - Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội (Quận, Huyện).
2	Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh	- Giấy xác nhận thương binh của Sở Lao động thương binh và xã hội; - Giấy xác nhận được hưởng chính sách như thương binh của Sở Lao động thương binh và xã hội.
3	Con liệt sĩ	- Giấy khai sinh (bản sao); - Bản sao sổ hộ khẩu và kèm theo sổ hộ khẩu (bản chính) để kiểm tra;
4	Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động	- Giấy chứng nhận là anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động do nhà nước cấp.
5	Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục 1	- Giấy xác nhận của công an xã; - Bản sao sổ hộ khẩu và kèm theo sổ hộ khẩu (bản chính) để kiểm tra.
6	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được ủy ban nhân dân tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt học tập do hậu quả của chất độc hóa học	- Bản sao sổ hộ khẩu và kèm theo sổ hộ khẩu (bản chính) để kiểm tra; - Giấy chứng nhận bị nhiễm chất độc hóa học (của bố đẻ hoặc mẹ đẻ) do Sở Lao động thương binh và xã hội cấp; - Giấy tờ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học đối với thí sinh).

PHỤ LỤC 04

Yêu cầu đối với Đề cương nghiên cứu
của thí sinh dự tuyển đào tạo trình độ Tiến sĩ
(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số /TB-HVNH ngày /05/2023
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

Đề cương nghiên cứu gồm những nội dung chính sau đây:

1. Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu.
2. Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh.
3. Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (nơi thí sinh đăng ký dự tuyển).
4. Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn.
5. Kinh nghiệm (về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác); kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề dự định nghiên cứu, phản ánh sự khác biệt của cá nhân thí sinh trong quá trình học tập trước đây và những kinh nghiệm đã có. Lý giải về những khiếm khuyết hay thiếu sót (nếu có) trong hồ sơ như kết quả học đại học, thạc sĩ chưa cao...
6. Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp.
7. Đề xuất người hướng dẫn (nếu có).

PHỤ LỤC 05

Danh mục lĩnh vực nghiên cứu

và danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn NCS

(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số /TB-HVNH ngày /05/2023
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

I. Danh mục lĩnh vực nghiên cứu:

STT	Lĩnh vực nghiên cứu	Ghi chú
1	Ngân hàng Trung ương	
2	Ngân hàng thương mại và các ngân hàng trung gian khác	
3	Các tổ chức tài chính trung gian phi ngân hàng	
4	Thị trường tài chính	
5	Tài chính các tập đoàn và doanh nghiệp	
6	Kho bạc Nhà nước	
7	Thuế và Tài chính công	
8	Tài chính quốc tế	

II. Danh sách các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Ghi chú
1.	PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh	
2.	PGS.TS. Đặng Thị Huyền Anh	
3.	PGS.TS. Trần Thị Xuân Anh	
4.	PGS.TS. Trần Việt Dũng	
5.	PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương	
6.	PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hào	
7.	PGS.TS. Mai Thu Hiền	
8.	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hoài	
9.	PGS.TS. Lê Thị Diệu Huyền	
10.	PGS.TS. Chu Khánh Lâm	
11.	PGS.TS. Lê Văn Luyện	
12.	PGS.TS. Lê Thị Tuấn Nghĩa	
13.	PGS.TS. Tô Kim Ngọc	
14.	PGS.TS. Nguyễn Thị Nguyệt	
15.	PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương	
16.	TS. Phạm Chí Quang	
17.	PGS.TS. Mai Thanh Quế	

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Ghi chú
18.	PGS.TS. Đoàn Hương Quỳnh	
19.	PGS.TS. Lê Trung Thành	
20.	PGS.TS. Đoàn Ngọc Thắng	
21.	PGS.TS. Nguyễn Thu Thủy	
22.	PGS.TS. Đỗ Thị Vân Trang	
23.	PGS.TS. Nguyễn Đức Trung	
24.	PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú	
25.	PGS.TS. Nguyễn Thị Thùy Vinh	

PHỤ LỤC 06

Danh mục ngành, chuyên ngành được đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh
(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số /TB-HVNH ngày /01/2023
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

TT	Ngành, chuyên ngành	Mã số Trình độ đại học	Mã số Trình độ thạc sĩ
I	Ngành kinh tế học	73101	83101
1	Kinh tế học		8310101
2	Kinh tế chính trị	7310102	8310102
3	Kinh tế đầu tư	7310104	8310104
4	Kinh tế phát triển	7310105	8310105
5	Kinh tế quốc tế	7310106	8310106
6	Thống kê kinh tế	7310107	8310107
7	Toán kinh tế	7310108	8310108
8	Quản lý kinh tế		8340410
II	Kinh doanh	73401	83401
9	Quản trị kinh doanh	7340101	8340101
10	Kinh doanh thương mại	7340121	8340121
III	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	83402
11	Tài chính - Ngân hàng	7340201	8340201
12	Bảo hiểm	7340204	8340204
IV	Kế toán - Kiểm toán	73403	83403
13	Kế toán	7340301	8340301
V	Quản trị - Quản lý	73404	83404
14	Khoa học quản lý	7340401	8340401
15	Chính sách công		8340402
16	Quản lý công	7340403	8340403
17	Quản trị nhân lực	7340404	8340404
18	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	8340405
19	Quản trị văn phòng	7340406	8340406
20	Quản lý khoa học và công nghệ		8340412
21	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp		8340417
22	Khác	73490	83490

PHỤ LỤC 07

Mẫu Lý lịch khoa học đối với người dự tuyển trình độ tiến sĩ
(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số /TB-HVNH ngày /05/2023
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC:

Họ và tên: Giới tính:
Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:
Quê quán:
Chức vụ, đơn vị công tác:
Chỗ ở riêng hay địa chỉ liên lạc:
Điện thoại CQ: ĐTNR: DD:
Fax: E-mail:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ .../.../..... đến .../.../.....
Nơi học (Trường, thành phố):
Ngành học:

2. Thạc sĩ:

Thời gian đào tạo từ/..... đến...../.....
Nơi học (Trường, thành phố):
Ngành học:
Tên đề tài luận văn:

3. Trình độ ngoại ngữ (biết ngoại ngữ gì, mức độ):

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC:

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ:

1. Đề tài Khoa học các cấp (liệt kê các đề tài đã thực hiện/tham gia)

TT	Tên đề tài	Tình trạng (Hoàn thành/ đang thực hiện)	Đề tài cấp ... (Cơ sở, tỉnh, ngành, nhà nước)	Trách nhiệm trong đề tài (Chủ nhiệm/tham gia)

2. Các công trình nghiên cứu khoa học (bài báo/sách, ...) đã công bố (liệt kê gồm tên các tác giả; năm, tên công trình (nếu là bài báo thì ghi tên tạp chí, số của tạp chí và trang bài báo; nếu là sách thì ghi nhà xuất bản và số trang)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng.....năm.....

Người khai ký tên

PHỤ LỤC 08

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số /TB-HVNH ngày /05/2023

của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

PHỤ LỤC 09

Mẫu cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính

(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số /TB-HVNH ngày /05/2023
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

Kính gửi: HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

Tên tôi là : Sinh ngày

Hiện công tác tại :

Chức vụ, nghề nghiệp :

Đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Ngân hàng, tôi xin cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ tài chính của nghiên cứu sinh sau khi trúng tuyển như sau:

1. Nộp học phí và những kinh phí khác theo đúng quy định của Học viện về đào tạo trình độ tiến sĩ.
2. Nếu không thực hiện đúng cam kết trên đây, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xử lý của Học viện theo các quy định về quản lý đào tạo tiến sĩ.

....., ngày tháng năm 20...

Người cam kết

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 10

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp được dự tuyển trình độ thạc sĩ
(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số /TB-HVNH ngày /05/2023
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

1. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng với ngành, chuyên ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ.

a) Ngành đúng của ngành Tài chính - Ngân hàng gồm: Tài chính - Ngân hàng;

b) Ngành đúng ngành Kế toán, bao gồm ngành Kế toán, ngành Kiểm toán;

c) Ngành đúng ngành Quản trị kinh doanh, bao gồm: Quản trị kinh doanh, Marketing.

2. Ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ. Đối với các ngành quản trị và quản lý, đào tạo theo chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.

Phụ lục số 11
TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN VÀ THANG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Nội dung, yêu cầu	Thang điểm	Tổng điểm tối đa
1	Tốt nghiệp đại học		6,0
	- Loại xuất sắc	6,0	
	- Loại giỏi	5,5	
	- Loại khá hoặc loại khác	5,0	
2	Nghiên cứu khoa học		2,0
2.1	- Có từ 02 bài báo đăng tạp chí, kỷ yếu hội thảo cấp Quốc gia được tính điểm trở lên hoặc tham gia ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên.	1,0	
	- Có 01 bài báo đăng tạp chí, kỷ yếu hội thảo cấp Quốc gia được tính điểm.	0,5	
2.2	Đạt giải thưởng nghiên cứu khoa học sinh viên		
	- Cấp Bộ	1,0	
	- Cấp Trường	0,75	
	- Cấp Khoa	0,5	
3	Năng lực ngoại ngữ		1,0
	- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.	1,0	
	- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính Học viện Ngân hàng cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; hoặc	0,5	
	- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.		
4	Kinh nghiệm công tác (năm)		1,0
	- Từ 05 năm trở lên.	1,0	
	- Dưới 05 năm.	0,5	
Tổng			10,0